

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHV

Địa chỉ: Tầng 4, Tháp C, Khu hỗn hợp cao tầng văn phòng – dịch vụ thương mại và nhà ở, số 219 phố Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 7300 1388

Fax: 024 7300 1398

Website: www.nhv.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2019

Theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2020

I. Thông tin chung	4
I.1. Thông tin khái quát	4
I.2. Quá trình hình thành và phát triển	4
I.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh	7
I.4. Cơ cấu bộ máy quản lý	7
I.4.1. Đại hội đồng cổ đông	7
I.4.2. Hội đồng quản trị	8
I.4.3. Ban Kiểm soát	9
I.4.4. Ban Tổng Giám đốc	10
I.4.5. Các khối chức năng/Phòng ban	10
I.5. Định hướng phát triển	11
I.5.1. Hoạt động tư vấn doanh nghiệp, tư vấn xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng	11
I.5.2. Hoạt động thương mại cung cấp các thiết bị điện tử	11
I.5.3. Hoạt động đầu tư tài chính	11
I.6. Các rủi ro:	11
I.6.1. RỦI RO VỀ KINH TẾ	11
I.6.2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP	13
I.6.3. RỦI RO ĐẶC THÙ	13
II. Tình hình hoạt động trong năm	14
II.1. Tổ chức và nhân sự	14
II.1.1. Hội đồng quản trị	14
II.1.2. Ban kiểm soát	17
II.1.3. Ban Tổng Giám đốc/ Phụ trách kế toán	20
II.2. Tình hình tài chính	21
II.2.1. Tình hình tài chính	21
II.2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:	22
II.3. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	23
II.4. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:	23
II.5. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có	24
II.6. Các chứng khoán khác: Không có	24
II.7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	24
II.8. Chính sách liên quan đến người lao động	24
II.9. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp	25
II.9.1. Chế độ làm việc	25
II.9.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo	25
II.9.3. Chính sách lương, thưởng và trợ cấp	25
II.10. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.	25

II.11. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh của UBCKNN:	25
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	25
III.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	25
III.2. Tình hình tài chính	26
III.2.1. Tình hình tài sản	26
III.2.2. Tình hình nợ phải trả	26
III.2.3. Kế hoạch phát triển trong tương lai	27
III.2.4. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	27
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	28
IV.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:	28
IV.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:	28
IV.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:	29
IV.3.1. Về cơ cấu tổ chức và Quản trị:	29
IV.3.2. Về hoạt động đầu tư và kinh doanh:	29
V. Báo cáo tài chính	29

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHV
Năm 2019

I. Thông tin chung

I.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần đầu tư NHV**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **4600483821**
- Vốn điều lệ: **32.236.000.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Tầng 04, Tháp C, Khu hỗn hợp cao tầng văn phòng - dịch vụ thương mại và nhà ở, số 219 phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: 024 7300 1388
- Số fax: 024 7300 1398
- Website: www.nhv.com.vn
- Mã cổ phiếu: NHV

I.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1703000450 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 21/01/2009, với vốn điều lệ 5 tỷ đồng; Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 số 4600483821 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 27/06/2011.

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, năm 2014, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 32.236.000.000 đồng.

Ngày 18/09/2015 Công ty Cổ phần Đầu tư NHV đã hoàn tất thủ tục đăng ký Công ty đại chúng với Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo công văn số 5935/UBCK-QLPH của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Ngày 12/09/2016, Công ty đã hoàn thành việc thay đổi trụ sở Công ty từ Thái Nguyên về Hà Nội để thuận tiện cho việc phát triển của Công ty.

Ngày 01/12/2016, Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 166/2016/GCNCP – VSD ngày 01/12/2016.

Tháng 03/2017, Công ty đã quyết định chuyển đổi hình thức kinh doanh sang mô hình Doanh nghiệp đầu tư.

Ngày 14/06/2017, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư NHV chính thức giao dịch phiên đầu tiên tại Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã giao dịch NHV theo Hệ thống giao dịch Upcom với Mã chứng khoán là NHV.

Năm 2018, Công ty thoái toàn bộ vốn đầu tư tại các công ty thành viên để thu hồi vốn đầu tư cho dự án đầu tư mới theo kế hoạch của Công ty.

Kể từ năm 2019, Công ty tập trung vào hoạt động thương mại cung cấp thiết bị điện tử, xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4600483821 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21/12/2018, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

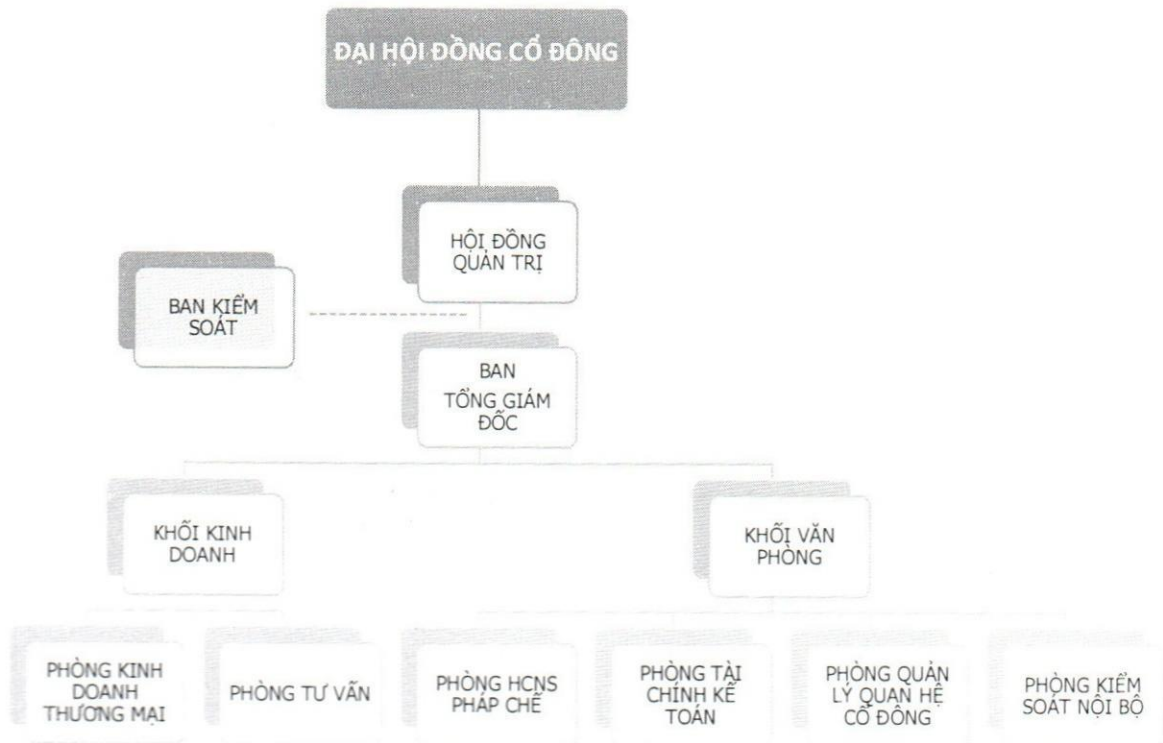
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Phá dỡ	4311
	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	
2	Chi tiết: gỗ cây và gỗ chế biến, tre, nứa, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim.	4663
3	Cửa, xè, bào gỗ và bào quần gỗ	1610
4	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
	Chi tiết: máy móc, thiết bị khai thác mỏ và luyện kim	
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
	Chi tiết: mua bán hóa chất (trừ loại Nhà nước cấm), phế liệu phế thải kim loại (trừ loại gây ô nhiễm môi trường), bụi xỉ; phân bón) (không tồn trữ hóa chất nguy hiểm trong khu dân cư)	
6	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
	(không bao gồm kim loại quý, vàng bạc, bạch kim, sắt thép);	
7	Bán buôn thực phẩm	4632
	Chi tiết: Bán buôn chè (không hoạt động tại trụ sở)	
8	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
9	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
10	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
11	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
	Chi tiết: Nhà hàng	
12	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
	Chi tiết: Khách sạn (Đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)	
13	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
	Chi tiết: gia công, tuyển luyện than; Sản xuất vật liệu hàn; Chế biến phế liệu phế thải kim loại, bụi xỉ	
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)	6499
	Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ	
16	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
17	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
18	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
19	Chăn nuôi gia cầm	0146
20	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim, ảnh)	8230
21	Khai thác và thu gom than cứng	0510

STT	Tên ngành	Mã ngành
	(không hoạt động tại trụ sở)	
22	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa mà công ty kinh doanh	4610
23	Xây dựng nhà để ở	4101
24	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
25	Xây dựng nhà không để ở	4102
26	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
27	Xây dựng công trình đường bộ	4212
	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	
28	Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán)	6619
29	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm Chi tiết: Trồng nấm, mộc nhĩ	0128
30	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở)	0810
31	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Công trình công nghiệp, thủy lợi, thủy điện	4299
	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	
32	Chi tiết: Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực khai thác khoáng sản và luyện kim	0990
33	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
34	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

- Địa bàn kinh doanh: Toàn lãnh thổ Việt Nam

1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh

Sơ đồ cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý công ty



1.4. Cơ cấu bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty. Tổ chức bộ máy quản lý hiện tại của Công ty bao gồm:

1.4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

- ❖ Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và định hướng phát triển của Công ty;
- ❖ Thông qua Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- ❖ Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị;
- ❖ Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát;
- ❖ Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm và kế hoạch cổ tức của năm tiếp theo cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.
- ❖ Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị; thành viên Ban kiểm soát;
- ❖ Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát;

- ❖ Quyết định thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị; Ban kiểm soát;
- ❖ Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- ❖ Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- ❖ Lựa chọn hoặc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn công ty kiểm toán;
- ❖ Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, giải thể, phá sản hoặc chuyển đổi Công ty;
- ❖ Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc cho cổ đông của Công ty;
- ❖ Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- ❖ Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;
- ❖ Thông qua hợp đồng bảo lãnh vay và/hoặc cho các công ty con vay vốn để phát triển kinh doanh của công ty con bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- ❖ Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật liên quan.

1.4.2. Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị hiện nay là 03 người. Số thành viên độc lập Hội đồng quản trị là 03 người, chiếm 3/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị là Đại diện pháp nhân mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của công ty với một số quyền và nghĩa vụ cụ thể như sau:

- ❖ Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- ❖ Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- ❖ Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- ❖ Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- ❖ Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này;
- ❖ Thông qua việc sử dụng tài sản của Công ty để cầm cố, thế chấp vay vốn; việc bảo lãnh cho công ty con vay vốn nhỏ hơn 35% Tổng tài sản của Công ty;
- ❖ Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- ❖ Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;

- ❖ Thông qua hợp đồng bảo lãnh vay và/hoặc cho các công ty con vay vốn để phát triển hoạt động kinh doanh của công ty con với giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- ❖ Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- ❖ Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Tổng giám đốc Công ty; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc; cử Người đại diện theo ủy quyền phần vốn của Công ty và Người đại diện của Công ty tham gia Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát tại các doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng giám đốc. Hội đồng Quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng Quản trị; Hội đồng Quản trị cũng có thể bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm để thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ và trách nhiệm của Thư ký theo quy định. Chấp thuận để Tổng Giám đốc bổ nhiệm Giám đốc xưởng, Trưởng phòng, ban và tương đương;
- ❖ Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá Người đại diện và công ty con theo quy định của pháp luật;
- ❖ Quyết định cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ Công ty; quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc việc góp vốn, mua (tặng), bán (giảm) vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác; thông qua phương án thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng/ban theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty;
- ❖ Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định;
- ❖ Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng Cổ đông;
- ❖ Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- ❖ Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;
- ❖ Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

1.4.3. Ban Kiểm soát

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau

- ❖ Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- ❖ Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- ❖ Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- ❖ Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn

bản với Hội đồng Quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

- ❖ Báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông theo quy định.
- ❖ Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.
- ❖ Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

1.4.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị tuyển chọn, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hàng ngày. Chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Cụ thể:

- ❖ Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của hội đồng quản trị (HDQT);
- ❖ Xây dựng trình HDQT phê duyệt kế hoạch dài hạn, kế hoạch tác nghiệp, các quy chế quản lý, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý. Bổ nhiệm miễn nhiệm kế toán trưởng và các trưởng bộ phận khác. Chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Ngoài ra Ban Tổng Giám đốc còn có quyền, nhiệm vụ khác theo một số điều trong Luật doanh nghiệp.

1.4.5. Các khối chức năng/Phòng ban

1.7.1.3. Khối kinh doanh

1.5.5.1.1. Phòng kinh doanh thương mại

Thực hiện kế hoạch kinh doanh mà Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã đề ra, có chức năng nhiệm vụ như sau:

- ❖ Thực hiện các chiến lược kinh doanh của HDQT, Ban TGD;
- ❖ Thực hiện tìm kiếm và thương thảo với nhà cung cấp;
- ❖ Tìm kiếm khách hàng;
- ❖ Thẩm định và đề xuất HDQT đối với các dự án đầu tư (nếu có);
- ❖ Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Tổng Giám đốc.

1.5.5.1.2. Phòng Tư vấn

Thực hiện các hoạt động về: Tư vấn doanh nghiệp, Tư vấn xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng để mang lại doanh thu cho Công ty.

1.7.1.3. Khối văn phòng

1.5.5.2.1. Phòng Hành chính nhân sự Pháp chế

Thực hiện các công việc pháp chế, hành chính, lễ tân, thư ký, truyền thông, nhân sự, quản lý và cập nhật Website. Hỗ trợ cập nhật văn bản công bố thông tin và truyền thông, Hỗ trợ các Phòng ban các vấn đề liên quan đến máy tính tin học.

1.5.5.2.2. Phòng Tài chính Kế toán

Thực hiện các công việc kế toán, tài chính, quản lý và huy động vốn cho Công ty. Lập các Báo cáo tài chính định kỳ theo yêu cầu.

1.5.5.2.3. Phòng quản lý quan hệ cổ đông

- ❖ Xây dựng phương án và phương thức huy động vốn cho công ty để đảm bảo các hoạt động đầu tư của Công ty đúng tiến độ, đạt hiệu quả cao;
- ❖ Chịu trách nhiệm công bố thông tin theo quy định của Pháp luật;

1.5.5.2.4. Phòng Kiểm soát nội bộ

Bộ phận Kiểm soát nội bộ là bộ phận chức năng tham mưu cho ban điều hành, hoạt động của phòng nhằm dự báo, phát hiện, ngăn ngừa và chống rủi ro gắn liền với tất cả các hoạt động của Công ty. Bộ phận có các chức năng nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- ❖ Tham mưu cho Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro trong việc xây dựng, thực hiện các quy chế, quy trình của Công ty;
- ❖ Tham mưu đề xuất các biện pháp quản trị rủi ro trong các hoạt động đầu tư tài chính, cho vay và thực hiện các nhiệm vụ khác mà Công ty được giao trong từng thời kỳ hoạt động;
- ❖ Thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các bộ phận trong nội bộ của Công ty;

1.5. Định hướng phát triển

1.5.1. Hoạt động tư vấn doanh nghiệp, tư vấn xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng

Sang cuối năm 2018, sau khi có những định hướng đúng đắn, chuyển hướng sang thực hiện hoạt động tư vấn xúc tiến thương mại, giới thiệu khách hàng, Công ty đã đạt được những kết quả thành công đầu tiên. Hoạt động này đã mang lại doanh thu gần 2 tỷ đồng. Trên cơ sở đó, NHV sẽ đẩy mạnh các hoạt động tư vấn doanh nghiệp, tư vấn xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng để góp phần củng cố năng lực tự kinh doanh và tạo ra nguồn doanh thu ổn định cho Công ty.

1.5.2. Hoạt động thương mại cung cấp các thiết bị điện tử

Hoạt động thương mại cung cấp các thiết bị điện tử được Công ty triển khai mạnh trong năm 2019. Các thiết bị được cung cấp chủ yếu là các thiết bị điện tử hỗ trợ giảng dạy và học tập như bảng từ, tivi cảm ứng, máy vi tính, máy chiếu, màn chiếu v.v. Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc xác định đơn giá đầu vào với các nhà cung cấp uy tín, và đã tìm được một số khách hàng cam kết dài hạn. Với những nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên trong công ty, hoạt động này dự kiến sẽ mang lại doanh thu cho Công ty từ Q1/2019.

1.5.3. Hoạt động đầu tư tài chính

Công ty đã có kế hoạch hợp tác đầu tư mở trường mầm non song ngữ bằng việc đầu tư sở hữu lô đất tại số 706 Đường Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội. Hoạt động này dự kiến sẽ mang lại doanh thu cho Công ty từ năm 2020.

1.6. Các rủi ro:

1.6.1. RỦI RO VỀ KINH TẾ

Tăng trưởng

Chỉ số tăng 7,02% của GDP năm 2019 đưa Việt Nam thành một trong những quốc gia có nền kinh tế tăng trưởng hàng đầu khu vực Đông Nam Á. Bức tranh kinh tế vĩ mô 2020 được các chuyên gia dự báo "lạc quan trong thận trọng", đặc biệt trong quan hệ giao thương với Hoa Kỳ và kiểm soát tốt dòng vốn FDI.

Đồng thời, Theo báo cáo chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu 2019, Việt Nam được xếp đầu bảng về chỉ số đổi mới sáng tạo trong nhóm các nước có mức thu nhập trung bình thấp. Trong các năm vừa qua, chỉ số đổi mới sáng tạo của Việt Nam liên tục tăng hạng từ 71 năm 2014, lên 59 năm 2016, 47 năm 2017, 45 năm 2018 và 42 năm 2019. Báo cáo của WIPO chỉ rõ yếu tố quan trọng khiến Việt Nam đạt được thứ hạng cao là từ sự đầu tư cho giáo dục những năm gần đây.

Tuy nhiên, một ẩn số mới xuất hiện đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến toàn bộ nền kinh tế thế giới năm 2020: dịch Covid 19.

Bắt nguồn từ Trung Quốc vào tháng 12/2019, tính đến thời điểm hiện tại, virus Corona đã lây lan sang hơn 50 quốc gia và vùng lãnh thổ với gần 100.000 ca lây nhiễm và hơn 3000 người tử vong. Kinh tế Trung Quốc và toàn bộ nền kinh tế thế giới, bao gồm cả Việt Nam đều bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19.

Du lịch, thương mại, tiêu dùng, vận tải, nhất là ngành hàng không, bị tác động trực tiếp do việc hạn chế và cấm đi lại trong nội địa và giữa Trung Quốc với các quốc gia bên ngoài. Một số chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu và khu vực có cơ sở sản xuất tại Trung Quốc tạm thời bị gián đoạn, bị ảnh hưởng lớn nhất là chuỗi cung ứng thiết bị, linh kiện điện tử, điện thoại, công nghệ cao, phụ tùng ô tô.

Lưu chuyển thương mại với Trung Quốc bị ảnh hưởng, gián đoạn do tạm thời đình trệ các chuỗi sản xuất - cung ứng cũng như hạn chế đi lại, giao thương giữa Trung Quốc và các quốc gia.

Đầu tư quốc tế chịu tác động dưới hai góc độ: Dòng đầu tư quốc tế vào Trung Quốc và đầu tư Trung Quốc ra nước ngoài; cộng hưởng với các rủi ro địa chính trị, dịch bệnh khiến cho môi trường chính trị, kinh tế, xã hội toàn cầu càng trở nên bất trắc, thúc đẩy tâm lý phòng vệ, co lại, do đó làm suy yếu động lực đầu tư. Xu hướng phân tán rủi ro trong đầu tư quốc tế sẽ được đẩy mạnh hơn theo hướng dân di chuyển sản xuất ra khỏi Trung Quốc và sắp xếp lại mạng lưới sản xuất, chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu.

Giá dầu thế giới đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 5/2019 (ngày 31/1/2020 là 51,48 USD/thùng) do lo ngại về giảm tăng trưởng kinh tế Trung Quốc cũng như tăng trưởng kinh tế toàn cầu tiếp tục chậm lại.

Đặc biệt, lĩnh vực bảo hiểm đang bị ảnh hưởng mạnh do gia tăng chi trả bồi thường thiệt hại do dịch, trước mắt là bảo hiểm du lịch, nhân thọ, kinh doanh. Nếu dịch kéo dài, tác động lan rộng trên phạm vi toàn cầu, có khả năng bảo hiểm sẽ là khâu kích hoạt cú sốc tài chính toàn cầu.

Tính đến tháng 3/2020, các tổ chức quốc tế đồng loạt đánh giá kinh tế thế giới năm 2020 tiếp tục xu hướng giảm, cộng với tác động từ dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona (Covid-19) sẽ làm suy giảm nhanh hơn, đặc biệt khi bệnh dịch kéo dài. Hàng loạt lĩnh vực sẽ chịu tác động tiêu cực, suy giảm mạnh.

Lãi suất

Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

Năm 2018, lãi suất huy động và tỷ giá đều có xu hướng tăng mạnh bắt đầu từ quý III và tiếp tục kéo dài đà tăng sang các tháng của quý IV. Đối với lãi suất cho vay, mặc dù chịu các áp lực từ việc tăng lãi suất huy động và lãi suất trên thị trường liên ngân hàng kể từ khi bước vào quý III nhưng với những chính sách điều hành linh hoạt, kịp thời của Ngân hàng Nhà nước (như bơm tiền qua OMO, phát hành tín phiếu, ổn định lãi suất USD...), thị trường tiền tệ tiếp tục ổn định, hỗ trợ cho việc giảm mặt bằng lãi suất cho vay trong nền kinh tế. Sau 10 tháng, lãi suất cho vay nền kinh tế đã giảm so với cùng kỳ năm ngoái, cụ thể lãi suất đã giảm khoảng 0,8 điểm % đối với lãi suất cho vay thông thường kỳ hạn ngắn và 0,3 điểm % đối với lãi suất cho vay thông thường kỳ hạn dài. Hiện mặt bằng lãi suất cho vay VND phổ biến ở mức 6 - 9%/năm đối với ngắn hạn; 9 - 11%/năm đối với trung và dài hạn. Bên cạnh đó, mục tiêu của Ngân hàng Nhà nước là sẽ ổn định lãi suất trong năm 2019.

Các khoản vay ngân hàng của NHV đều là vay ngắn hạn, và đã tất toán hết trong năm 2017. Hiện tại Công ty chỉ còn một khoản vay cá nhân ngắn hạn là 7,67 tỷ đồng với lãi suất 6%/năm, có ảnh hưởng không đáng kể đến hoạt động kinh doanh của NHV. Trong thời gian tới, NHV chủ trương hạn chế các khoản nợ vay tài chính ngắn hạn cũng như dài hạn. Do đó, rủi ro lãi suất cho vay là không trọng yếu đối với hoạt động kinh doanh đầu tư của NHV.

Tỷ giá

Ngân hàng Nhà nước luôn chủ động các phương án để điều hành tỷ giá và sẽ can thiệp thị trường ngoại tệ khi cần thiết. Dự trữ ngoại hối được duy trì ở mức 63,5 tỉ USD, khi NHNN mua vào 11 tỉ USD trong năm 2018 để giữ ổn định tỉ giá. Trong năm 2018, NHNN đã lấy lại sự chủ động của cơ quan điều hành, điều chỉnh kịp thời tỷ giá linh hoạt với biến động tăng giá của đồng USD, không chỉ phản ứng theo biến động trên thị trường tiền tệ mà còn chủ động dập tắt yếu tố kỳ vọng không hợp lý. Các thông tin về việc bình thường hóa chính sách tiền tệ của FED theo lộ trình đã được phản ánh liên tục trên thị trường, đảm bảo độ nhạy nên không gây ra bất kỳ cú sốc nào với thị trường do sự thay đổi tỷ giá.

Trong năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã đưa ra chính sách tỷ giá mới: NHNN công bố tỷ giá trung tâm hàng ngày thay cho tỷ giá bình quân liên ngân hàng trước đây, tỷ giá trung tâm đóng cửa ngày hôm trước có thể làm tham chiếu cho tỷ giá mở cửa của ngày hôm sau trên thị trường liên ngân hàng đồng thời giảm dần việc neo vào USD trong điều hành tỷ giá mà thay bằng một rổ tiền tệ bao gồm các đồng tiền chủ chốt. Năm 2019, Ngân hàng nhà nước tiếp tục duy trì chính sách tỷ giá linh hoạt. Chính sách này sẽ giúp triệt tiêu tình trạng đô la hóa trong nền kinh tế, giúp Ngân hàng trung ương có thể độc lập thực thi chính sách tiền tệ nhằm đạt được các mục tiêu quan trọng liên quan đến tăng trưởng và kiểm soát lạm phát trong trung và dài hạn.

Hoạt động kinh doanh chính của NHV chủ yếu được giao dịch bằng đồng nội tệ (Việt Nam Đồng), do đó yếu tố về rủi ro tỷ giá đối với Công ty là không trọng yếu. Tuy nhiên trong thời gian tới, với định hướng đa dạng hóa lĩnh vực kinh doanh, có thể công ty thực hiện nhiều thương vụ giao dịch mua bán với đối tác nước ngoài, khi đó sự biến động của tỷ giá sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của công ty.

1.6.2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Cũng như các doanh nghiệp khác, mọi hoạt động của công ty đều chịu sự chi phối của các văn bản pháp luật Nhà nước, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các thông tư nghị định hướng dẫn. Tuy nhiên, hệ thống văn bản luật và quy định liên quan còn chưa hoàn thiện. Chính vì vậy, để hoạt động kinh doanh có hiệu quả, Công ty sẽ liên tục nghiên cứu, vận dụng pháp luật phù hợp với đặc điểm kinh doanh ngành nghề của Công ty và các yếu tố hỗ trợ cũng như trở ngại từ thị trường. Công ty cũng phối hợp và xin ý kiến chỉ đạo, tư vấn từ các cơ quan chức năng có thẩm quyền cũng như tham gia với các Hiệp hội ngành nghề. Công ty sẽ nỗ lực đảm bảo 100% hợp đồng và thỏa thuận với các tổ chức và cá nhân đối tác khác được rà soát bởi bộ phận pháp chế. Hơn thế, Công ty sẽ sử dụng sự tư vấn chuyên môn đối với các giao dịch có tính pháp lý phức tạp của các đơn vị tư vấn luật pháp chuyên nghiệp trong và ngoài nước.

1.6.3. RỦI RO ĐẶC THÙ

Hiện tại Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực tư vấn và cung cấp các thiết bị điện tử, đặc biệt là các thiết bị cho lĩnh vực giáo dục.

Rủi ro trong hoạt động tư vấn xúc tiến thương mại

Công ty là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tư vấn. Đảm bảo chất lượng tốt nhất cho các dịch vụ tư vấn đối với khách hàng là trọng tâm trong hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty. Tuy nhiên, các rủi ro có thể phát sinh liên quan đến tính chính xác và hiệu quả của dịch vụ tư vấn, trình độ chuyên môn, sự chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhân viên sẽ có những ảnh hưởng đáng kể. Ý thức được rủi ro này, Công ty tập trung đào tạo chuyên môn cho nhân viên, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện, có chính sách đãi ngộ tốt để thu hút và duy trì một đội ngũ nhân sự ổn định.

Rủi ro trong hoạt động thương mại cung cấp các thiết bị điện tử

Trong năm 2017 và 2018, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến và thương mại cát thủy tinh và cung cấp dịch vụ vận chuyển. Năm 2019, Công ty đã có những định hướng kinh doanh mới, một trong những hoạt động được định hướng phát triển là thương mại cung cấp các thiết bị điện tử cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. Do nhu cầu thị trường cao và các mẫu mã sản phẩm cung cấp luôn được thay đổi phù hợp với xu hướng thị hiếu nên kinh doanh thiết bị điện tử trường học là thị trường ngách có lượng khách hàng tiềm năng lớn và hứa hẹn mang lại lợi nhuận cao cho nhà đầu tư. Các mặt hàng chính bao gồm các vật dụng hỗ trợ giảng dạy và học tập như máy tính, màn hình cảm ứng, bảng từ, vv.

Rủi ro về thanh khoản

Vì các thiết bị giáo dục có giá trị cao nên việc kinh doanh mặt hàng này cần lượng vốn lớn và nguồn vốn dài hạn. Do đó, hoạt động của Công ty sẽ gặp phải rủi ro thanh khoản nếu khách hàng trả chậm. Để hạn chế rủi ro này, các hợp đồng bán hàng của Công ty luôn yêu cầu khách hàng ứng trước tiền và không bàn giao sản phẩm đợt mới nếu không thanh toán đợt cũ.

Rủi ro về cạnh tranh

Mặc dù đây là thị trường ngách, Công ty vẫn phải đối mặt với rủi ro cạnh tranh, đặc biệt về giá và chất lượng sản phẩm. Hiện tại Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp uy tín để cố định đơn giá trong năm 2019, và đã tìm được các khách hàng dài hạn. Tuy nhiên Công ty vẫn cần tập trung để tìm được nhiều khách hàng hơn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017-2018, Công ty Cổ phần Đầu tư NHV định hướng kinh doanh là đầu tư tài chính, lấy chế biến và thương mại cát thủy tinh và cung cấp dịch vụ vận chuyển của công ty con làm cốt lõi. Tuy nhiên, lợi nhuận mang về từ hoạt động kinh doanh cốt lõi là không hấp dẫn, tỷ suất lợi nhuận thấp. Do đó Công ty đã thoái vốn tại các công ty thành viên từ giữa năm 2018. Việc thoái vốn đã đem lại lợi nhuận 5,3 tỷ đồng cho Công ty trong năm 2018.

Sang cuối năm 2018, Công ty đã chuyển hướng sang hai lĩnh vực hoạt động có tỷ suất lợi nhuận cao hơn là hoạt động tư vấn xúc tiến thương mại, giới thiệu khách hàng và hoạt động thương mại cung cấp thiết bị điện tử.

II.1. Tổ chức và nhân sự

II.1.1. Hội đồng quản trị

Danh sách Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu/đại diện	Tỷ lệ (%)
1.	Trần Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	0	0
2.	Trần Văn Sơn	Thành viên HĐQT	0	0
3.	Lê Minh Phương	Thành viên HĐQT	0	0

Trần Anh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên : **Trần Anh Tuấn**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh: : 15/11/1976

Nơi sinh : Thanh Hóa

Số CMND (hoặc hộ chiếu) : 038076004758, ngày cấp: 4/7/2017, nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : TT Công ty CTGT 116, Ngõ 521 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Số điện thoại : 0913007876

Địa chỉ email : anhtuantran@nhv.com.vn

Chức vụ hiện nay tại Tổ chức đăng ký niêm yết : Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần kiến trúc Bộ Ba
 Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bộ Ba
 Tổng giám đốc Công ty CP Thương mại Bộ Ba

Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cp chiếm 0% vốn điều lệ

Trong đó:

Đại diện sở hữu : 0 cp

Cá nhân sở hữu : 0 cp

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Cam kết nắm giữ chứng khoán của tổ chức đăng ký niêm yết

Danh sách người có liên quan của người khai : Danh sách kèm theo

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có) : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có) : Không có

Trần Văn Sản – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên : **Trần Văn Sản**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh: : 16/3/1975

Nơi sinh : Bắc Giang

Số CMND (hoặc hộ chiếu) : 024075000216, ngày cấp: 24/10/2016, nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	P310-H10 Kim Giang, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Số điện thoại	:	0913531904
Địa chỉ email	:	vansantran@nhv.com.vn
Chức vụ hiện nay tại Tổ chức đăng ký niêm yết	:	Thành viên Hội đồng quản trị
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không.
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	0 cp chiếm 0% vốn điều lệ
Trong đó:		
Đại diện sở hữu	:	0 cp
Cá nhân sở hữu	:	0 cp
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	:	Cam kết nắm giữ chứng khoán của tổ chức đăng ký niêm yết
Danh sách người có liên quan của người khai	:	Danh sách kèm theo
Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có)	:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có)	:	Không có

Lê Minh Phương – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	:	Lê Minh Phương
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	:	26/10/1982
Nơi sinh	:	Hà Nội
Số CMND (hoặc hộ chiếu)	:	111621004 ngày cấp: 26/07/2004, nơi cấp: CA tỉnh Hà Tây
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Evelyn Parkcity, Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội
Số điện thoại	:	0912775995
Địa chỉ email	:	Minhphuongle@nhv.com.vn
Chức vụ hiện nay tại Tổ chức đăng ký niêm yết	:	Thành viên Hội đồng quản trị

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không.
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	0 cp chiếm 0% vốn điều lệ
Trong đó:		
Đại diện sở hữu	:	0 cp
Cá nhân sở hữu	:	0 cp
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	:	Cam kết nắm giữ chứng khoán của tổ chức đăng ký niêm yết
Danh sách người có liên quan của người khai	:	Danh sách kèm theo
Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có)	:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có)	:	Không có

II.1.2. Ban kiểm soát

Danh sách Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu/đại diện	Tỷ lệ (%)
1.	Trần Thị Huyền Trang	Trưởng BKS	0	0
2.	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Thành viên BKS	0	0
3.	Nguyễn Thị Đoàn	Thành viên BKS	0	0

Trần Thị Huyền Trang – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên	:	Trần Thị Huyền Trang
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	:	22/09/1988
Nơi sinh	:	Bungari
Số CMND (hoặc hộ chiếu)	:	000188000020, ngày cấp: 30/06/2016, nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	65 ngõ 93 Hoàng Văn Thái, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
Số điện thoại	:	0976184542

Địa chỉ email	:	thihuyentrangtran@nhv.com.vn
Chức vụ hiện nay tại Tổ chức đăng ký niêm yết	:	Trưởng Ban kiểm soát
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không.
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	0 cp chiếm 0% vốn điều lệ
Trong đó:		
Đại diện sở hữu	:	0 cp
Cá nhân sở hữu	:	0 cp
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	:	Cam kết nắm giữ chứng khoán của tổ chức đăng ký niêm yết
Danh sách người có liên quan của người khai	:	Danh sách kèm theo
Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có)	:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có)	:	Không có

Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	:	Nguyễn Thị Ngọc Linh
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	:	18/08/1988
Nơi sinh	:	Hà Nội
Số CMND (hoặc hộ chiếu)	:	112247814, ngày cấp: 17/08/2005, nơi cấp: CA tỉnh Hà Tây
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	217 Chùa Thông, Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội
Số điện thoại	:	0982180846
Địa chỉ email	:	Ngoclinhnguyen@nhv.com.vn
Chức vụ hiện nay tại Tổ chức đăng ký niêm yết	:	Thành viên Ban kiểm soát
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không.
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	0 cp chiếm 0% vốn điều lệ
Trong đó:		

Đại diện sở hữu	:	0 cp
Cá nhân sở hữu	:	0 cp
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	:	Cam kết nắm giữ chứng khoán của tổ chức đăng ký niêm yết
Danh sách người có liên quan của người khai	:	Danh sách kèm theo
Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có)	:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có)	:	Không có

Nguyễn Thị Đoàn – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	:	Nguyễn Thị Đoàn
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	:	15/01/1958
Nơi sinh	:	Hà Tây
Số CMND (hoặc hộ chiếu)	:	011126597, ngày cấp: 11/8/2009, nơi cấp: Hà Nội
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	39 ngõ 151B Thái Hà, Láng Hạ, Đống Đa, thành phố Hà Nội
Số điện thoại	:	0903486658
Địa chỉ email	:	thidoannghuyen@nhv.com.vn
Chức vụ hiện nay tại Tổ chức đăng ký niêm yết	:	Thành viên Ban kiểm soát
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không.
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	0 cp chiếm 0% vốn điều lệ
Trong đó:		
Đại diện sở hữu	:	0 cp
Cá nhân sở hữu	:	0 cp
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	:	Cam kết nắm giữ chứng khoán của tổ chức đăng ký niêm yết
Danh sách người có liên quan của người khai	:	Danh sách kèm theo

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức : Không có
đăng ký niêm yết (nếu có)

Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức : Không có
đăng ký niêm yết (nếu có)

II.1.3. Ban Tổng Giám đốc/ Phụ trách kế toán

Danh sách Tổng giám đốc/Phụ trách kế toán

TT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu/đại diện	Tỷ lệ (%)
1.	Lưu Quang Thịnh	Tổng Giám đốc	157.000	4,87
2.	Mai Thị Hiền	Phụ trách kế toán	0	0

Lưu Quang Thịnh – Tổng Giám đốc

Họ và tên : **Lưu Quang Thịnh**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh: : 15/05/1987

Nơi sinh : Hải Dương

Số CMND (hoặc hộ chiếu) : C2117074 cấp ngày 01/08/2016 tại Cục Quản lý XNC

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 70 Phố Chợ Con – P. Quang Trung – Tp Hải Dương

Số điện thoại : 0988241111

Địa chỉ email : quangthinhluu@nhv.com.vn

Chức vụ hiện nay tại Tổ chức đăng ký niêm yết : Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư NHV

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Tổng giám đốc của Công ty CP PP Quốc tế Minh Việt và Phó giám đốc Công ty TNHH VT&TCXD Thịnh Phát

Số lượng cổ phần nắm giữ : 157.000 cp chiếm 4,87% vốn điều lệ

Trong đó:

Đại diện sở hữu : 0 cp

Cá nhân sở hữu : 157.000cp

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Cam kết nắm giữ chứng khoán của tổ chức đăng ký niêm yết

Danh sách người có liên quan của người khai : Danh sách kèm theo

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức
đăng ký niêm yết (nếu có) : Tiền lương

Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức
đăng ký niêm yết (nếu có) : Không có

Mai Thị Hiên – Phụ trách kế toán

Họ và tên : **Mai Thị Hiên**
Giới tính : Nữ
Ngày tháng năm sinh: : 01/02/1990
Nơi sinh : Nam Định
Số CMND (hoặc hộ chiếu) : 163092814 cấp ngày 04/12/2007 nơi cấp CA Nam Định
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : CT10C, khu ĐT Đại Thanh, Thanh Trì, Hà Nội
Số điện thoại : 0988042382
Địa chỉ email : thihienmai@nhv.com.vn
Chức vụ hiện nay tại Tổ chức
đăng ký niêm yết : Phụ trách kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư NHV
Các chức vụ hiện đang nắm giữ
tại tổ chức khác : không
Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cp chiếm 0% vốn điều lệ
Trong đó:
Đại diện sở hữu : 0 cp
Cá nhân sở hữu : 0cp
Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Cam kết nắm giữ chứng khoán của tổ chức đăng ký niêm
yết
Danh sách người có liên quan
của người khai : Danh sách kèm theo
Lợi ích liên quan đối với Tổ chức
đăng ký niêm yết (nếu có) : Tiền lương
Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức
đăng ký niêm yết (nếu có) : Không có

II.2. Tình hình tài chính

II.2.1. Tình hình tài chính

Chi tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín			

Chi tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
<i>dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	57,460,973,456	54,013,964,629	(6)%
Doanh thu thuần	9,484,564,318	78,187,442,158	724.37%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6,771,797,120	7,337,233,168	8.35%
Lợi nhuận khác	(1,693,600)	(49,818,140)	2.8%
Lợi nhuận trước thuế	6,770,103,520	7,287,415,028	7.64%
Lợi nhuận sau thuế	5,741,393,875	5,824,052,758	1.44%

II.2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chi tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0.19	12.93	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0.19	12.89	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	23.40%	7.73%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	30.55%	8.38%	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	-	152.51	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.19	1.40	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	60.53%	7.45%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	13.95%	12.41%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.16%	10.30%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	71.40%	7.45%	

II.3. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Cổ phần:

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
I. Người nội bộ	157,000	-	157,000	4.87%
II. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	0.00%
III. Công đoàn Công ty	-	-	-	0.00%
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	0.00%
V. Cổ đông khác	-	3,066,600	3,066,600	95.13%
1. Trong nước	-	3,066,600	3,066,600	95.13%
1.1 Cá nhân	-	3,066,600	3,066,600	95.13%
1.2 Tổ chức	-	-	-	0.00%
- Trong đó Nhà nước:	-	-	-	0.00%
2. Nước ngoài	-	-	-	0.00%
2.1 Cá nhân	-	-	-	0.00%
2.2 Tổ chức	-	-	-	0.00%
TỔNG CỘNG	157,000	3,066,600	3,223,600	100.00%

Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2019

STT	Tên cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ SH (%)
1.	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-
2.	Cổ đông trong nước	148	3.223.600	32.236.000.000	100%
	Tổ chức	-	-	-	-
	Cá nhân	148	3.223.600	32.236.000.000	100%
3.	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng cộng	148	3.223.600	32.236.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 22/02/2019

II.4. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2019, Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu.

II.5. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

II.6. Các chứng khoán khác: Không có

II.7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Tuân thủ;
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có;
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có;

II.8. Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Cơ cấu lao động NHV

TT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động			
1	Đại học và trên đại học	10/13	76,9%
2	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	3/13	23,1%
3	Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	0/13	0%
4	Lao động phổ thông	0/13	0%
Theo đối tượng lao động			
1	Lao động trực tiếp	13/13	100%
2	Lao động gián tiếp	0/13	0%
Theo giới tính			
1	Nam	7/13	53,8%
2	Nữ	6/13	46,2%
Tổng số lao động		13	

Nguồn: CTCP Đầu tư NHV

Mức lương bình quân của người lao động CTCP Đầu tư NHV

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
Thu nhập bình quân (đồng/ người/ tháng)	6.000.000	7.500.000	9.000.000
Tỷ lệ tăng trưởng		25%	20%

Nguồn: CTCP Đầu tư NHV

Thu nhập bình quân của người lao động trong công ty tăng qua các năm với tốc độ tăng trưởng là trên 25% năm 2018 và 20% năm 2019. Tốc độ tăng trưởng thu nhập phản ánh bản chất hoạt động của Công ty. Đây là mức thu nhập vẫn thấp so với các doanh nghiệp khác trong ngành trên địa bàn. Để cải thiện thu nhập cho người lao động, từ quý 2/2020, NHV sẽ thực hiện tăng lương 10% và từ 1/10/2020 tăng lương lần 2 tới 20% lương cho toàn bộ CBNV, đưa mức thu nhập của người lao động công ty lên mức ngang bằng với thị trường, khoảng 12 triệu/tháng.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

II.9. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

II.9.1. Chế độ làm việc

❖ Thời gian làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, từ thứ hai đến thứ sáu. Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ kinh doanh các nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và có đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

❖ Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết

Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Nhân viên được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật lao động.

❖ Điều kiện làm việc

Văn phòng làm việc với 70m² mặt sàn thuê tại Tầng 4, Tháp C, Khu hỗn hợp cao tầng văn phòng dịch vụ thương mại và nhà ở, số 219 phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam được thiết kế khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ và đúng quy định pháp luật vệ sinh lao động nhằm bảo đảm mức độ an toàn cao nhất cho người lao động.

II.9.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty có xây dựng một quy chế cụ thể về chính sách đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBNV trong Công ty. Chính sách đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc. CBNV thường xuyên được tham gia các khóa học về kỹ năng quản lý, tin học, ngoại ngữ.... Hình thức đào tạo được tổ chức theo dạng đào tạo tập trung hoặc đào tạo qua công việc thực tế.

II.9.3. Chính sách lương, thưởng và trợ cấp

Thu nhập bình quân của CBNV Công ty năm 2019 đạt ở mức 9.000.000 đồng/người/tháng và dự kiến đạt mức 12.000.000/người vào năm 2020. CBNV được tham gia và hưởng các chế độ về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên công ty còn nhận được phụ cấp liên quan. Bên cạnh tiền lương hàng tháng, CBCNV của NHV còn được hưởng thêm các chế độ khác như: bonus hàng năm, trợ cấp công tác phí, ...

Hàng năm, Công ty thực hiện chế độ nghỉ dưỡng sức cho nhân viên. Công ty có những chính sách đãi ngộ nhân viên như tổ chức khám bệnh định kỳ hàng năm và tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao, chăm sóc thiếu niên nhi đồng là con em của cán bộ nhân viên Công ty thông qua các tổ chức đoàn thể của Công ty.

II.10. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: *Không có*

II.11. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

III.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của NHV giai đoạn 2018-2019

Đơn vị: triệu VND

TT	Chỉ tiêu	2018	2019	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	57.461	54.014	-6%
2	Vốn chủ sở hữu	44.015	49.839	13,23%
3	Doanh thu thuần	9.485	78.187	724,32%
4	Doanh thu tài chính	9.371	0,321	-100%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.772	7.337	8,34%
6	Lợi nhuận khác	-2	-50	2400%
7	Lợi nhuận trước thuế	6.770	7.287	7,6%
8	Lợi nhuận sau thuế	5.741	5.824	1,44%
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	0%	0%	
10	Tỷ lệ LNST trên vốn chủ sở hữu	13,04%	12,41%	-4.8%

III.2. Tình hình tài chính

III.2.1. Tình hình tài sản

Tình hình tài sản tại thời điểm 31/12/2019

Đơn vị: VND

TT	Tên tài sản	31/12/2019		GTCL/ Nguyên giá
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	
I	Tài sản cố định hữu hình	0	0	-
II	Tài sản cố định vô hình	0	0	0%
1	Quyền sử dụng đất	0	0	0%
	Tổng	0	0	0%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019

III.2.2. Tình hình nợ phải trả

Tổng dư nợ vay

Công ty không có nợ quá hạn.

Tình hình dư nợ vay của NHV

Đơn vị: VND

TT	Chỉ tiêu	12/31/2018	12/31/2019
----	----------	------------	------------

1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7,674,589,404	0
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	0
Tổng vay		7,674,589,404	0

Nguồn: BCTC kiểm toán của NHV năm 2018, 2019

Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Đơn vị: VND			
TT	Chi tiêu	12/31/2018	12/31/2019
1	Phải thu khách hàng	2,303,125,440	6,096,767,678
2	Trả trước cho người bán	30,000,000	1,155,000
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	0	0
4	Phải thu khác	0	47,656,872,150
Tổng		2,333,125,440	53,754,794,828

Nguồn: BCTC kiểm toán của NHV năm 2018, 2019

Các khoản phải trả

Đơn vị: VND			
TT	Chi tiêu	12/31/2018	12/31/2019
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7,674,589,404	0
2	Phải trả người bán	4,572,000,000	3,707,163,539
3	Người mua trả tiền trước	0	0
4	Thuế và các khoản phải nộp	1,028,709,645	257,991,357
5	Chi phí phải trả	16,289,453	9,689,453
6	Phải trả người lao động	154,000,000	34,531,550
7	Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	0	0
Tổng		13,445,588,502	4,174,526,917

Nguồn: BCTC kiểm toán của NHV năm 2018, 2019

III.2.3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chỉ tiêu hoạt động kinh doanh dự kiến giai đoạn 2020

Đơn vị: Triệu đồng

Hạng mục	2020
Doanh thu	57.000
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	5.000
Doanh thu từ bán hàng hóa	50.000
Doanh thu tài chính	2.000

Hạng mục	2020
Chi phí	50.775
Chi phí giá vốn	44.000
Chi phí BHXH, BHYT, BHTN	609
Chi phí điện, nước, điện thoại, mạng internet	528
Chi phí lương CBNV	4.040
Chi phí thuê văn phòng	607
Chi phí hành chính	66
Chi phí khác	528
Chi phí khấu hao tài sản, chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	132
Chi phí lãi vay	264
Lợi nhuận trước thuế	6.225
Lợi nhuận sau thuế	4.980
ROS	8,74%
ROE	15,45%
Trà cổ tức	12%

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

IV.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Kết quả hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư NHV năm 2018 vượt kỳ vọng của Đại hội đồng Cổ đông. Kết thúc năm 2018, NHV lãi 5,74 tỷ vượt 14,8% so với kế hoạch. Trên cơ sở đó, Ban Giám đốc cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa nhằm đưa NHV đạt được kết quả đột phá hơn nữa trong các năm tiếp theo.

Năm 2018 đánh dấu bước ngoặt về nhân sự lớn của công ty với việc miễn nhiệm và bổ nhiệm các vị trí nhân sự cấp cao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc. Xây dựng một đội ngũ kế thừa dựa trên trình độ chuyên môn cao và nhiệt huyết

Định hướng và phát triển bền vững: NHV hướng tới sự phát triển bền vững bắt đầu từ nội bộ công ty và môi trường bên ngoài - Đội ngũ nhân viên trẻ, năng động, chính sách lương thưởng, phúc lợi chu đáo, môi trường làm việc thử thách, hiện đại là những cơ sở để NHV có thể thu hút nhân tài.

IV.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Hoạt động giám sát:

Thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị kết hợp cùng với Ban kiểm soát theo dõi, chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2017, đảm bảo đúng kế hoạch được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua.

Kết quả giám sát:

Nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc là đáng ghi nhận, tuy không tránh khỏi những sai sót. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời khắc phục. - Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông và Hội Đồng Quản Trị.

IV.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

IV.3.1. Về cơ cấu tổ chức và Quản trị:

- ✓ Năm 2019, Hội đồng quản trị tiếp tục cơ cấu toàn bộ hệ thống công ty theo mô hình quản trị Holding.
- ✓ Bổ sung nhân sự có trình độ chuyên môn cao.
- ✓ Xây dựng đào tạo lực lượng kế thừa.

IV.3.2. Về hoạt động đầu tư và kinh doanh:

- ✓ Tìm kiếm đối tác cùng đầu tư và phát triển trong hướng đi đã được vạch ra.
- ✓ Phát triển hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty

**** Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này): NHV không phải là công ty niêm yết.*

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Chấp thuận toàn phần

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (kèm theo)

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

12.12.19

12.12.19

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 21

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Hà Việt Thái, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 1703000450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Thái Nguyên cấp vào ngày 21 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh sau:

<u>GCNĐKDN điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
4600483821 (điều chỉnh lần 2)	ngày 27 tháng 6 năm 2011
4600483821 (điều chỉnh lần 3)	ngày 23 tháng 10 năm 2014
4600483821 (điều chỉnh lần 4)	ngày 22 tháng 8 năm 2016
4600483821 (điều chỉnh lần 5)	ngày 12 tháng 9 năm 2016
4600483821 (điều chỉnh lần 6)	ngày 10 tháng 8 năm 2018
4600483821 (điều chỉnh lần 7)	ngày 17 tháng 8 năm 2018
4600483821 (điều chỉnh lần 8)	ngày 5 tháng 9 năm 2018
4600483821 (điều chỉnh lần 9)	ngày 18 tháng 5 năm 2018
4600483821 (điều chỉnh lần 10)	ngày 21 tháng 12 năm 2018

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã giao dịch NHV theo Quyết định số 396/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ nội địa và cho thuê kho bãi, mua bán thiết bị máy tính và linh kiện điện tử, viễn thông.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 4, Tháp C, Khu hỗn hợp cao tầng văn phòng - dịch vụ thương mại và nhà ở, số 219 phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Trần Văn Sơn	Thành viên
Ông Lê Minh Phương	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Huyền Trang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Đoàn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Thành viên

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lưu Quang Thịnh.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lưu Quang Thịnh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư NHV ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 4 năm 2020



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited Tel: +84 28 3824 5252
20th Floor, Bitexco Financial Tower Fax: +84 28 3824 5250
2 Hai Trieu Street, District 1 ey.com
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Số tham chiếu: 61344754/21094778

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư NHV

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư NHV ("Công ty"), được lập ngày 8 tháng 4 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 21, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2019-004-1

Tôn Thiên Bảo Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4177-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 4 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		53.983.502.298	2.579.713.870
110	<i>I. Tiền</i>		35.610.167	33.716.117
111	1. Tiền	4	35.610.167	33.716.117
130	<i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		53.754.794.828	2.333.125.440
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	6.096.767.678	2.303.125.440
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.155.000	30.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	47.656.872.150	-
140	<i>III. Hàng tồn kho</i>		182.952.871	-
141	1. Hàng tồn kho		182.952.871	-
150	<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>		10.144.432	212.872.313
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	212.872.313
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		10.144.432	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		30.462.331	54.881.259.586
220	<i>I. Tài sản cố định</i>		-	54.844.659.000
227	1. Tài sản cố định vô hình		-	54.844.659.000
228	Nguyên giá		-	54.844.659.000
260	<i>II. Tài sản dài hạn khác</i>		30.462.331	36.600.586
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		30.462.331	36.600.586
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		54.013.964.629	57.460.973.456

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.174.526.917	13.445.588.502
310	I. Nợ ngắn hạn		4.174.526.917	13.445.588.502
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	7	3.707.163.539	4.572.000.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8	257.991.357	1.028.709.645
314	3. Phải trả người lao động		165.151.018	154.000.000
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		9.689.453	16.289.453
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		34.531.550	-
320	6. Vay ngắn hạn		-	7.674.589.404
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		49.839.437.712	44.015.384.954
410	I. Vốn chủ sở hữu	9	49.839.437.712	44.015.384.954
411	1. Vốn cổ phần		32.236.000.000	32.236.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		32.236.000.000	32.236.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.603.437.712	11.779.384.954
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		11.779.384.954	6.037.991.079
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		5.824.052.758	5.741.393.875
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		54.013.964.629	57.460.973.456



Nguyễn Thị Kiều Trang
Người lập



Mai Thị Hiền
Phụ trách kế toán



Lưu Quang Thịnh
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.1	78.187.442.158	9.484.564.318
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11, 14	(68.796.118.942)	(7.110.858.588)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.391.323.216	2.373.705.730
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	10.2	321.219	9.370.784.892
22	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	12	- -	(4.166.053.089) (9.689.453)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	13, 14	(2.054.411.267)	(806.640.413)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.337.233.168	6.771.797.120
32	8. Chi phí khác		(49.818.140)	(1.693.600)
40	9. Lỗ khác		(49.818.140)	(1.693.600)
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.287.415.028	6.770.103.520
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.1	(1.463.362.270)	(1.028.709.645)
60	12. Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.824.052.758	5.741.393.875
70	13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.3	1.807	1.781
71	14. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.3	1.807	1.781



Nguyễn Thị Kiều Trang
Người lập



Mai Thị Hiền
Phụ trách kế toán



Lưu Quang Thịnh
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.287.415.028	6.770.103.520
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	10.2	(321.219)	(7.300.000.000)
06	Chi phí lãi vay	12	-	9.689.453
08	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.287.093.809	(520.207.027)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(51.218.941.507)	9.119.179.088
10	Giảm hàng tồn kho		54.661.706.129	-
11	Giảm các khoản phải trả		(700.548.842)	(519.945.531)
12	Tăng chi phí trả trước		6.138.255	15.241.698
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	8	(2.359.285.609)	(60.351.238)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		7.676.162.235	8.033.916.990
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		-	(54.844.659.000)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(6.500.000.000)
26	Tiền thu hồi các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	45.500.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		321.219	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		321.219	(15.844.659.000)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được		7.320.000.000	7.674.589.404
34	Tiền trả nợ gốc vay		(14.994.589.404)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(7.674.589.404)	7.674.589.404

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.894.050	(136.152.606)
60	Tiền đầu năm		33.716.117	169.868.723
70	Tiền cuối năm	4	35.610.167	33.716.117



Nguyễn Thị Kiều Trang
Người lập



Mai Thị Hiền
Phụ trách kế toán



Lưu Quang Thịnh
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Hà Việt Thái, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 1703000450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Thái Nguyên cấp vào ngày 21 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh sau:

<u>GCNĐKDN điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
4600483821 (điều chỉnh lần 2)	ngày 27 tháng 6 năm 2011
4600483821 (điều chỉnh lần 3)	ngày 23 tháng 10 năm 2014
4600483821 (điều chỉnh lần 4)	ngày 22 tháng 8 năm 2016
4600483821 (điều chỉnh lần 5)	ngày 12 tháng 9 năm 2016
4600483821 (điều chỉnh lần 6)	ngày 10 tháng 8 năm 2018
4600483821 (điều chỉnh lần 7)	ngày 17 tháng 8 năm 2018
4600483821 (điều chỉnh lần 8)	ngày 5 tháng 9 năm 2018
4600483821 (điều chỉnh lần 9)	ngày 18 tháng 5 năm 2018
4600483821 (điều chỉnh lần 10)	ngày 21 tháng 12 năm 2018

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã giao dịch NHV theo Quyết định số 396/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2017.

Hoạt động chính trọng năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ nội địa và cho thuê kho bãi, mua bán thiết bị máy tính và linh kiện điện tử, viễn thông.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 4, Tháp C, Khu hỗn hợp cao tầng văn phòng - dịch vụ thương mại và nhà ở, số 219 phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 9 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 6).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.8 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.10 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.11 Thuế*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	26.893.854	31.800.000
Tiền gửi ngân hàng	8.716.313	1.916.117
TỔNG CỘNG	35.610.167	33.716.117

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hạ tầng Cơ sở	6.015.090.335	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	81.677.343	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ và Thiết bị TCT	-	2.303.125.440
TỔNG CỘNG	<u>6.096.767.678</u>	<u>2.303.125.440</u>

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Nguyễn Thị Kiều Trang (*)	29.250.000.000	-
Ông Lưu Quang Thịnh (**)	18.400.000.000	-
Khác	6.872.150	-
TỔNG CỘNG	<u>47.656.872.150</u>	<u>-</u>

Trong đó:

Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 16)	18.400.000.000	-
Phải thu từ bên khác	29.256.872.150	-

(*) Tam ứng thực hiện đầu tư dự án theo Quyết định Hội đồng Quản trị số 0506/2019/QĐ - HĐQT ngày 5 tháng 6 năm 2019.

(**) Tam ứng thực hiện đầu tư dự án theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0117/2019/NQ - HĐQT ngày 1 tháng 7 năm 2019.

7. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hạ tầng Cơ sở	1.584.755.028	4.572.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Giải pháp Công Nghệ Số	1.432.100.000	-
Công ty TNHH Dương Lan Anh	453.716.000	-
Khác	236.592.511	-
TỔNG CỘNG	<u>3.707.163.539</u>	<u>4.572.000.000</u>

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.028.709.645	1.463.362.270	(2.359.285.609)	132.786.306
Thuế giá trị gia tăng	-	1.857.776.508	(1.732.571.457)	125.205.051
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.000.000	(3.000.000)	-
TỔNG CỘNG	<u>1.028.709.645</u>	<u>3.324.138.778</u>	<u>(4.094.857.066)</u>	<u>257.991.357</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. VỐN CHỦ SỞ HỮU

9.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND		
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước			
Số đầu năm	32.236.000.000	6.037.991.079	38.273.991.079
Lợi nhuận thuần trong năm	-	5.741.393.875	5.741.393.875
Số cuối năm	<u>32.236.000.000</u>	<u>11.779.384.954</u>	<u>44.015.384.954</u>
Năm nay			
Số đầu năm	32.236.000.000	11.779.384.954	44.015.384.954
Lợi nhuận thuần trong năm	-	5.824.052.758	5.824.052.758
Số cuối năm	<u>32.236.000.000</u>	<u>17.603.437.712</u>	<u>49.839.437.712</u>

9.2 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	3.223.600	3.223.600
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	3.223.600	3.223.600

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

9.3 Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	5.712.601.638	5.741.393.875
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.223.600	3.223.600
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.807</u>	<u>1.781</u>

Không có sự suy giảm tiềm năng của các cổ phiếu phổ thông vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. DOANH THU

10.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	78.187.442.158	9.484.564.318
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất</i>	60.497.538.818	-
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	14.991.425.158	-
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	2.698.478.182	9.484.564.318
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	78.187.442.158	2.093.750.400
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 16)</i>	-	7.390.813.918

10.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thoái vốn các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	7.300.000.000
Lợi nhuận chuyển về từ Công ty TNHH MTV NHV Quảng Trị	-	2.070.425.707
Lãi tiền gửi	321.219	359.185
TỔNG CỘNG	321.219	9.370.784.892

11. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất	54.844.659.000	-
Giá vốn của hàng hóa đã bán	13.951.459.942	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	7.110.858.588
TỔNG CỘNG	68.796.118.942	7.110.858.588

12. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí tư vấn thoái vốn khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	4.156.363.636
Chi phí lãi vay	-	9.689.453
TỔNG CỘNG	-	4.166.053.089

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.118.690.397	508.092.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	881.747.019	176.497.573
Chi phí khác	53.973.851	122.050.325
TỔNG CỘNG	<u>2.054.411.267</u>	<u>806.640.413</u>

14. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn quyền sử dụng đất	54.844.659.000	-
Giá vốn của hàng hóa đã bán	13.951.459.942	-
Chi phí nhân viên quản lý	1.118.690.397	508.092.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	881.747.019	176.497.573
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	7.110.858.588
Chi phí khác	53.973.851	122.050.325
TỔNG CỘNG	<u>70.850.530.209</u>	<u>7.917.499.001</u>

15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

15.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.463.362.270</u>	<u>1.028.709.645</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>7.287.415.028</u>	<u>6.770.103.520</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	1.457.483.006	1.354.020.704
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các chi phí không được trừ	5.879.264	34.282.984
Thu nhập từ các khoản cho mượn tiền không lãi suất	-	54.491.098
Lợi nhuận được phân phối từ công ty con	-	(414.085.141)
Chi phí thuế TNDN	<u>1.463.362.270</u>	<u>1.028.709.645</u>

15.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Ông Lưu Quang Thịnh	Tổng Giám đốc	Tam ứng	18.400.000.000	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VICO Quảng Trị	Công ty liên quan	Góp vốn Cung cấp dịch vụ	-	6.500.000.000	
			-	7.390.813.918	
Công ty TNHH Một Thành viên NHV Quảng Trị	Công ty con trước đây	Cho mượn không lãi suất Nhận lợi nhuận được chia	-	15.290.306.687	
			-	2.070.425.707	
Ông Trần Anh Tuấn	Cổ đông	Vay	-	7.674.589.404	
Ông Trương Minh Chí	Thành viên Ban Kiểm soát	Đặt cọc Hoàn tiền đặt cọc	-	8.500.000.000	
			-	6.500.000.000	

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Phải thu ngắn hạn khác					
Ông Lưu Quang Thịnh	Tổng Giám đốc	Tam ứng	<u>18.400.000.000</u>	<u>-</u>	
Vay ngắn hạn					
Ông Trần Anh Tuấn	Cổ đông	Vay	<u>-</u>	<u>7.674.589.404</u>	

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như sau:

		VND	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc		<u>-</u>	<u>172.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Kiều Trang
Người lập



Mai Thị Hiền
Phụ trách kế toán



Ngày 8 tháng 4 năm 2020